

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, **giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thúy K, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 300 đường DX 82, Tổ 7, Khu phố 1, phường Đ, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh S, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 83, Khu phố 5, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K trình bày:** Bà Nguyễn Thúy K và ông Lê Thanh S tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/3/2012. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau nhưng bắt đầu khoảng năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do ông S ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ những nguyên nhân này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà K đã khuyên rất nhiều nhưng ông S vẫn không thay đổi, đến năm 2019 do không thể tiếp tục sống chung với ông S nên bà K cùng với các con đã bỏ về sống với cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà K nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm bà K dành cho ông S

không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh S.

Về con chung: Bà K và ông S có 02 người con chung là cháu **Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014**. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014** vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các cháu đang sống chung với bà K.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Theo đơn khởi kiện, bà K yêu cầu Sang cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ/01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, nay bà nhận thấy nếu bà có yêu cầu thì ông S vẫn không cấp dưỡng nên bà sẽ tự nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.**

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Thanh S trình bày:** Ông với bà K chung sống và đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/3/2012 tại UBND phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, sau đó bà K đã cùng con về sống với cha mẹ ruột khoảng năm 2017 cho đến nay, ông đã khuyên trở về để vợ chồng đoàn tụ lại với nhau nhưng bà K không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của bà K thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông với bà K có 02 người con chung là cháu Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung thì ông không đồng ý, ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, nếu không được nuôi cả cháu Th và cháu Th1 thì yêu cầu được nuôi một trong hai con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Vì kể từ khi sống ly thân cho đến nay, bà K nuôi con nhưng không tạo điều kiện cho ông thăm con.

Trường hợp bà K nuôi cả hai con chung thì ông với bà K sẽ tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà K và ông S đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được. Phía ông S cũng đồng ý ly hôn nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014 đã trên 7 tuổi và đang sống chung với bà K.

Ông S cũng thừa nhận kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì bà K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Qua làm việc, cháu Th và cháu Th1 có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà K nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Th và cháu Th1 cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông S kết hôn, có đăng ký kết hôn tại phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/3/2012 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà K cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S ham chơi, cơ bạc dẫn đến nợ nần. Bà K khuyên rất nhiều nhưng ông S không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hiện bà không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh S. Phía ông S cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nên qua yêu cầu ly hôn của bà K thì ông S đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Nguyên đơn bà K và bị đơn ông S cũng xác định quá trình sống chung, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà K xác định không còn tình cảm với ông S. Phía ông S thống nhất với yêu cầu ly hôn với bà K nên việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà K và ông S có 02 con chung là cháu **Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014**. Khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Phía bị đơn ông S không đồng ý để bà K nuôi dưỡng con chung mà ông yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung hoặc nuôi một trong hai con chung.

Xét thấy: Hiện cháu Th và cháu Th1 đang do bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với bà K. Phía ông S cũng thừa nhận kể từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay chính bà K là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S cho rằng bà K cản trở việc thăm nom con của ông nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Mặt khác, do cháu Th và cháu Th1 hiện đang sinh sống ổn định với bà K nên cần tiếp tục giao cháu Th và cháu Th1 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem

xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K đối với bị đơn ông Lê Thanh S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy K được ly hôn với ông Lê Thanh S.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Kiều Th, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lê Nguyễn Kiều Th1, sinh ngày 03/4/2014 cho bà Nguyễn Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thúy K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là Lê Nguyễn Kiều Th và Lê Nguyễn Kiều Th1, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thúy K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thúy K phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021-0002852 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Ph;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Hoa Hạnh